TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ X	Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
TỈNH T	
Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 03 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84/ Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Ng- ời yêu cầu: 1/ Chị Phạm Thị L - sinh năm 1993

Trú tại: Thôn 3, xã Quang Trung, thị xã B, tỉnh T

2/ Anh Mai Văn N - sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 3, xã Quang Trung, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị L và anh Mai Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Trung, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì lối sống và bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi với nhau. Vợ chồng đã ly thân 6 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị L, anh N đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị L và anh Mai Văn N.

[2] Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Mai Phạm Hoài A(nữ) sinh ngày 21/10/2011, cháu thứ hai tên là Mai Thanh B(nam) sinh ngày 18/12/2017. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu A và cháu B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/ cháu (3.000.000đ/ 2 cháu) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự(03/3/2021).

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí Ly hôn sơ thẩm chị Phạm Thị L nộp 150.000đ, anh Mai Văn N nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận chị Phạm Thị L nộp thay phần lệ phí ly hôn cho anh Mai Văn N.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Mai Văn N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Mai Phạm Hoài A(nữ) sinh ngày 21/10/2011, cháu thứ hai tên là Mai Thanh B(nam) sinh ngày 18/12/2017. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu A và cháu B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/ cháu (3.000.000đ/ 2 cháu) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có

khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự(03/3/2021).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay dổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị L và anh Mai Văn N mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận chị Phạm Thị L nộp thay lệ phí ly hôn cho anh Mai Văn N nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo biên lai thu số: AA/2019/0007171 ngày 01/02/2021. Như vậy, chị L, anh N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát
- Đương sự
- UBND xã Q(2011)
- Chi cục Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(Đã ký)

TỐNG THỊ HÀ